| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ ĐỨC THỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:2143 /TTr-UBND | *Đức Thịnh, ngày 10 tháng 7 năm 2026* |

# TỜ TRÌNH
## Về việc đề nghị xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Thực hiện Văn bản số 1741/SNV-NCC ngày 31/3/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh về việc hướng dẫn rà soát đối tượng, lập hồ sơ đề nghị giải quyết trợ cấp hàng tháng đối với Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

Thực hiện Nghị quyết số 182/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

Qua rà soát, trên địa bàn xã có 07 đối tượng là thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, đủ điều kiện đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Đức Thịnh kính đề nghị Sở Nội vụ xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với 07 đối tượng nêu trên theo Nghị quyết số 182/2025/NQ-HĐND.

*(Có danh sách và hồ sơ cụ thể kèm theo)*

Kính trình Sở Nội vụ xem xét, giải quyết./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như trên;<br>- Chủ tịch, PCT UBND xã;<br>- Lưu: VT, VHXH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**KT. CHỦ TỊCH**<br>**PHÓ CHỦ TỊCH**<br><br><br>**Nguyễn Trọng Thể** |

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ QUYẾT 182/2025/NQ-HĐND**

*(Kèm theo Tờ trình 2143/TTr-UBND, ngày 10/7/2026 của UBND xã Đức Thịnh)*

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Thôn | Thời gian tham gia TNXP/đơn vị | Tình trạng sức khỏe/khả năng lao động | Mức đề nghị (đồng/tháng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Hường | 01/6/1952 | Đại Tiến | Tháng 5/1972- 4/1975<br>ĐV: C553-N55-P18 | Tuổi cao, sức khỏe yếu | 500.000 | |
| 2 | Hoàng Văn Thường | 01/8/1954 | Tân Tiến | Tháng 3/1972- 12/1975<br>ĐV: C1-N55-P18 | Tuổi cao, sức khỏe yếu | 500.000 | |
| 3 | Nguyễn Thị Lộc | 10/6/1954 | Ngọc Lâm | Tháng 02/1971- 10/1974<br>ĐV: C2995-N299-P18 | Tuổi cao, sức khỏe yếu | 500.000 | |
| 4 | Phạm Thị Lài | 10/02/1954 | Nội Trung | Tháng 10/1972- 02/1975<br>ĐV: C2996-N299-P18 | Tuổi cao, sức khỏe yếu | 500.000 | |
| 5 | Nguyễn Thị Loan | 20/6/1953 | Nội Trung | Tháng 5/1972- 4/1975<br>ĐV: C553-N55-P18 | Tuổi cao, sức khỏe yếu | 500.000 | |
| 6 | Bùi Thị Hòa | 15/5/1953 | Gia Thịnh | Tháng 10/1973- 6/1976<br>ĐV: C332-N332-P39 | Tuổi cao, sức khỏe yếu | 500.000 | |
| 7 | Phan Thị Xuân | 23/12/1953 | Bình Hà | Tháng 10/1972- 6/1975<br>ĐV: C332-N332-P39 | Tuổi cao, sức khỏe yếu | 500.000 | |